TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 95-BQL DA Khe Chàm II/IV - Đội nổ mìn

Tháng 12 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương phép		Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT ƯCSC		Lương AT	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư	Thuế TNCN			
1	**32**	**Tổ thợ lò**			**279**		**155.900.000**	**163**	**42.332.730**	**2**	**592.615**	**7**	**2.450.000**	**4.500.000**	**205.775.345**	**4.842.800**	**908.400**	**605.700**	**2.057.700**	**495.000**	**290.000**	**400.000**	**9.599.600**	**196.175.745**	
1	HL-03328	Nguyễn Văn Phúc	Lò trưởng	6.367.000	35	A	21.700.000	18	4.407.923					500.000	26.607.923	509.400	95.600	63.700	266.100	55.000			989.800	25.618.123	
2	HL-00534	Đỗ Văn Thuyết	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	30	A	16.500.000	18	5.333.538					500.000	22.333.538	616.400	115.600	77.100	223.300	55.000			1.087.400	21.246.138	
3	HL-01052	Hoàng Văn Thiện	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	32	A	17.600.000	18	5.333.538					500.000	23.433.538	616.400	115.600	77.100	234.300	55.000			1.098.400	22.335.138	
4	HL-01432	Nguyễn Mạnh Cường	CN nổ mìn hầm lò	6.367.000	24	A	13.200.000	18	4.407.923			7	2.450.000	500.000	20.557.923	509.400	95.600	63.700	205.600	55.000			929.300	19.628.623	
5	HL-02896	Vũ Khắc Hùng	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	27	A	14.850.000	19	5.629.846	2	592.615			500.000	21.572.461	616.400	115.600	77.100	215.700	55.000	290.000		1.369.800	20.202.661	
6	HL-00447	Nguyễn Văn Long	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	32	A	17.600.000	19	5.629.846					500.000	23.729.846	616.400	115.600	77.100	237.300	55.000		400.000	1.501.400	22.228.446	
7	HL-03532	Chìu A Nhì	CN nổ mìn hầm lò	5.305.000	33	A	18.150.000	17	3.468.654					500.000	22.118.654	424.500	79.600	53.100	221.200	55.000			833.400	21.285.254	
8	HL-04790	Nguyễn Tiến Dũng	CN nổ mìn hầm lò	6.367.000	34	A	18.700.000	19	4.652.808					500.000	23.852.808	509.400	95.600	63.700	238.500	55.000			962.200	22.890.608	
9	HL-05044	Lương Văn Tuấn	CN nổ mìn hầm lò	5.305.000	32	A	17.600.000	17	3.468.654					500.000	21.568.654	424.500	79.600	53.100	215.700	55.000			827.900	20.740.754	
Tổng cộng					**279**		**155.900.000**	**163**	**42.332.730**	**2**	**592.615**	**7**	**2.450.000**	**4.500.000**	**205.775.345**	**4.842.800**	**908.400**	**605.700**	**2.057.700**	**495.000**	**290.000**	**400.000**	**9.599.600**	**196.175.745**	

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 01 năm 2020

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**